

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ PHÚ PHONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	14 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn), lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong được thành lập theo Giấy phép số 1523/GP-UB ngày 03 tháng 07 năm 1997 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 64074 ngày 01 tháng 12 năm 1997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23 tháng 06 năm 1999 về việc bổ sung vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 09 năm 2000 về việc đăng ký trụ sở mới và bổ sung vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 26 tháng 11 năm 2002 đăng ký người đại diện theo Pháp Luật.
- Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 01 năm 2004 về việc đăng ký tên và địa chỉ của chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 21 tháng 07 năm 2006 và lần thứ sáu ngày 02 tháng 06 năm 2009 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 40.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : lô số 4, đường B Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 37 505 932
Fax : (84.8) 37 505 907
Mã số thuế : 0300911356

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu (%)
Công ty TNHH thương mại hóa chất Hồng Phong	Số 31/40A, đường Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	Thương mại - dịch vụ	66,67
Công ty TNHH Phú Phong Nha Trang	Số 86, đường Hoàng Văn Thụ, phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Thương mại - dịch vụ	88,57

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu (%)
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Trường Phong	Lô A-4-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Thương mại - dịch vụ	29,00
Công ty TNHH Đại Phong	D2-10 Chung cư An Lộc, đường Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại - dịch vụ	34,00
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tiên Phong	Lô M6, đường B4, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Thương mại - dịch vụ	30,00

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật; Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hóa; Đại lý ký gửi hàng hóa; Dịch vụ thương mại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Kinh doanh bất động sản.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Đại Phong và Công ty TNHH thương mại hóa chất Hồng Phong.

Ngoài ra, Công ty cũng đã ký Biên bản thỏa thuận và cam kết mua lại toàn bộ tài sản của Công ty TNHH sản xuất, thương mại và dịch vụ Trường Phong hiện đang thế chấp tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn với tổng số tiền là 9 tỷ VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Mạnh	Chủ tịch	14/11/2008	-
Ông Lương Trọng Tuấn	Phó Chủ tịch	14/11/2008	-
Ông Trần Văn Quyền	Thành viên	14/11/2008	-
Ông Vũ Việt Hùng	Thành viên	14/11/2008	-
Ông Mạc Trần Hồng	Thành viên	14/11/2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hòa	Trưởng ban	27/04/2009	-
Ông Trần Văn Thoại	Thành viên	27/04/2009	-
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Thành viên	27/04/2009	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lương Trọng Tuấn	Giám đốc	14/11/2009	-
Ông Trần VI Quyền	Phó Giám đốc	14/11/2009	-
Bà Hàng Thị Quỳnh Mai	Phó Giám đốc	14/11/2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869
Branch in Nha Trang-Khanh Hon : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0501/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2010, từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2008 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 10 tháng 4 năm 2009 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Các thông tin phục vụ cho việc trình bày khoản đầu tư vào các Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các đơn vị này (thuyết minh số I.7).

Chúng tôi không có cơ sở để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu thừa đang theo dõi trên khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị sổ sách tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 7.761.820.941 VND (thuyết minh số V.6).

Các vấn đề chưa thống nhất

Công ty chưa ghi nhận hàng mua đang đi trên đường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 5.462.070.125 VND (thuyết minh số V.6).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trịnh Hoài Ngọc - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0193/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô 4 đường B, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.457.293.432	87.714.603.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.278.287.075	3.450.550.778
1. Tiền	111		3.278.287.075	3.450.550.778
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		58.697.980.474	37.150.194.918
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	51.720.308.658	36.675.358.580
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.460.230.585	968.497.913
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	9.122.695.788	2.614.828.841
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(3.605.254.557)	(3.108.490.416)
IV. Hàng tồn kho	140		43.217.004.418	44.391.027.126
1. Hàng tồn kho	141	V.6	43.660.934.893	45.200.032.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(443.930.475)	(809.005.570)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.264.021.465	2.722.830.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	98.006.064	149.517.963
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.005.778.888	1.532.972.302
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		22.852.341	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	5.137.384.172	1.040.340.172

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô 4 đường B, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.556.366.830	38.060.732.030
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.507.155.178	27.600.320.776
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	16.700.387.274	19.900.982.073
<i>Nguyên giá</i>	222		70.595.273.296	69.546.576.502
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(53.894.886.022)	(49.645.594.429)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.806.767.904	6.992.540.612
<i>Nguyên giá</i>	228		8.545.544.404	8.545.544.404
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.738.776.500)	(1.553.003.792)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	706.798.091
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	1.407.222.864	1.496.570.352
<i>Nguyên giá</i>	241		2.233.687.128	2.233.687.128
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(826.464.264)	(737.116.776)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.164.976.209	8.558.169.491
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	6.573.826.209	6.967.019.491
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	1.591.150.000	1.591.150.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		477.012.579	405.671.411
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	477.012.579	405.671.411
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.013.660.262	125.775.335.289

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô 4 đường B, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		80.529.054.183	66.315.789.879
I. Nợ ngắn hạn	310		78.417.196.783	63.030.389.070
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	37.480.106.016	38.810.658.590
2. Phải trả cho người bán	312	V.17	16.367.267.705	13.891.571.576
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	5.087.595.878	3.209.362.696
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.19	3.089.244.941	4.772.179.061
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1.247.127.375	1.063.568.307
6. Chi phí phải trả	316	V.21	472.151.739	214.112.116
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	14.673.703.129	1.068.936.724
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.111.857.400	3.285.400.809
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	211.508.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	994.032.500	2.834.377.561
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	288.195.120	218.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.26	618.121.780	233.023.248
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.484.606.079	59.093.939.218
I. Vốn chủ sở hữu	410		63.504.192.997	57.929.500.841
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	1.008.861.000	1.008.861.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(2.214.878.030)	(2.214.878.030)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	10.010.839.585	9.004.676.901
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	3.452.968.687	3.117.581.126
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	11.246.401.755	7.013.259.844
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		980.413.082	1.164.438.377
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.28	980.413.082	1.164.438.377
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	365.606.192
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.013.660.262	125.775.335.289

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô 4 đường B, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		533.968.259	533.968.259
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		877,44	1,149,34
Euro (EUR)		107,92	4,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Cao Hải
Người lập biểu

Trần Cao Sơn
Kế toán trưởng

Lương Trọng Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô 4 đường B, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	349.264.489.880	410.377.420.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	1.200.720.496	574.299.582
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	348.063.769.384	409.803.121.058
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	309.114.723.160	357.960.325.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.949.046.224	51.842.795.371
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	522.369.416	1.758.864.149
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.592.805.356	7.424.214.408
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.774.191.978	6.094.091.410
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.378.869.843	14.953.793.229
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.546.325.656	13.810.284.509
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.953.414.785	17.413.367.374
11. Thu nhập khác	31	VI.7	330.365.223	1.333.523.113
12. Chi phí khác	32	VI.8	305.453.901	263.833.717
13. Lợi nhuận khác	40		24.911.322	1.069.689.396
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(9.548.449)	(451.658.240)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.968.777.658	18.031.398.530
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.886.615.906	2.573.689.584
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.082.161.752</u>	<u>15.457.708.946</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		8.588.174	62.007.512
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7.073.573.578	15.395.701.434
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.854</u>	<u>4.014</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Cao Hải
Người lập biểu

Trần Cao Sơn
Kế toán trưởng

Lương Trọng Tuấn
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô 4 đường B, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.968.777.658	18.031.398.530
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định		V.10,		
	02	V.11,V.12	5.106.876.619	6.275.352.472
- Các khoản dự phòng	03	V.5,V.7	131.689.046	3.888.601.597
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	25.808.778	148.022.294
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		VI.3,VI.4,		
	05	VI.7,VI.8	(393.991.330)	(1.056.307.844)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.774.191.978	6.094.091.410
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.613.352.749	33.381.158.459
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.206.952.449)	3.499.867.961
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(901.014.782)	(8.667.087.710)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.274.600.635	822.091.591
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(70.581.991)	31.020.178
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21,VI.4	(2.736.691.679)	(5.897.260.853)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(3.222.076.534)	(1.581.003.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		22.533.000.186	17.776.070.450
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(15.049.470.084)	(18.065.337.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		234.166.051	21.299.518.946
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.326.303.522)	(3.589.864.283)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	245.454.545	514.500.000
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.700.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		132.910.813	90.374.224
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		286.631.638	365.974.342
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(661.306.526)	(5.319.015.717)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô 4 đường B, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(967.472.030)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16,V.24	200.282.838.828	172.260.791.112
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16,V.24	(198.727.958.417)	(176.288.059.043)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(1.262.766.000)	(9.107.851.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		292.114.411	(14.102.591.873)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(135.026.064)	1.877.911.356
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.450.550.778	1.684.768.356
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(37.237.639)	(112.128.934)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.278.287.075	3.450.550.778

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Cao Hải
Người lập biểu

Trần Cao Sơn
Kế toán trưởng

Lương Trọng Tuấn
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kính tráng thủy, kính mỹ thuật; Mua bán máy móc, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, bách hóa; Đại lý ký gửi hàng hóa; Dịch vụ thương mại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Kinh doanh bất động sản.

- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**
Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Đại Phong và Công ty TNHH thương mại hóa chất Hồng Phong.

Ngoài ra, Công ty cũng đã ký Biên bản thỏa thuận và cam kết mua lại toàn bộ tài sản của Công ty TNHH sản xuất, thương mại và dịch vụ Trường Phong hiện đang thế chấp tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn với tổng số tiền là 9 tỷ VND.

- Tổng số các công ty con** : 2
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2.

- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích %</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết %</i>
Công ty TNHH thương mại hóa chất Hồng Phong	Số 31/40A, đường Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	66,67	66,67
Công ty TNHH Phú Phong Nha Trang	Số 86, đường Hoàng Văn Thụ, phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	88,57	88,57

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2008, Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình trong Công ty TNHH Phú Phong Nha Trang và chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con này.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình trong Công ty TNHH thương mại hóa chất Hồng Phong và chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết %</u>
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Trường Phong	Lô A-4-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	29,00	29,00
Công ty TNHH Đại Phong	D2-10 Chung cư An Lộc, đường Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp.	34,00	34,00
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tiên Phong	Lô M6, đường B4, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	30,00	30,00

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của các Công ty liên kết chưa được kiểm toán.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Phong đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình trong Công ty TNHH Đại Phong.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

ATG
C
HÀCH
KIẾ
T

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào khả năng thu hồi của các khoản nợ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 - 8

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất là 46 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư 25 năm.

NG T
TỆM H
TOÁN
V
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Bao gồm công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa, cải tạo và chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 4 năm.

12. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- **Vốn khác:** hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. **Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

17. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

18. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	42.764.176	1.348.985.796
Tiền gửi ngân hàng	3.235.522.899	2.101.564.982
Cộng	<u>3.278.287.075</u>	<u>3.450.550.778</u>

2. Phải thu khách hàng

Phải thu của khách hàng mua hàng hoá, thành phẩm và dịch vụ.

3. Trả trước cho người bán

Trả trước cho nhà cung cấp hàng hoá và dịch vụ.

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chiết khấu thương mại	3.780.416.315	2.542.744.350
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Trường Phong (*)	5.000.000.000	11.572.477
Các khoản phải thu khác	342.279.473	60.512.014
Cộng	<u>9.122.695.788</u>	<u>2.614.828.841</u>

(*) Tiền ứng đợt 1 để mua lại tài sản.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	432.288.652	418.157.918
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.172.965.905	2.690.332.498
Cộng	<u>3.605.254.557</u>	<u>3.108.490.416</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

Số đầu năm	3.108.490.416
Trích lập dự phòng bổ sung	496.764.141
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	3.605.254.557

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường (*)	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.967.604.924	7.241.802.094
Công cụ, dụng cụ	814.901.209	928.399.791
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (**)	7.761.820.941	5.686.614.302
Thành phẩm	3.924.079.782	2.692.891.952
Hàng hóa	25.192.528.037	28.650.324.557
Cộng	43.660.934.893	45.200.032.696

(*) Trong tháng 01 năm 2010, Công ty đã ghi nhận hàng nhập kho đối với những lô nhập khẩu đang đi trên trên biển (vận đơn phát hành trong tháng 12 năm 2009) thanh toán theo phương thức nhờ thu qua Ngân hàng với tổng trị giá tương đương 5.462.070.125 VND.

(**) Đặc thù sản phẩm gia công sau kính là thực hiện theo nhu cầu của từng khách hàng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau, nên sản phẩm hoàn thành nhập kho thành phẩm cũng đa dạng, song song theo đó cũng có nhiều sản phẩm chưa hoàn thành trong quá trình sản xuất. Sản phẩm chưa hoàn thành này sẽ được sử dụng cho các đơn hàng có cùng qui cách phù hợp.

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	76.729.734	76.729.734
Hàng hóa	367.200.741	732.275.836
Cộng	443.930.475	809.005.570

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	809.005.570
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(365.075.095)
Số cuối năm	443.930.475

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong năm. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	149.517.963
Phát sinh tăng trong năm	204.549.136
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(241.281.393)
Kết chuyển giảm khác (*)	(14.779.642)
Số cuối năm	98.006.064

(*) Giảm do thanh lý, nhượng bán Công ty con trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	20.200.538
Tạm ứng	1.377.912.562	648.527.809
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.759.471.610	371.611.825
Cộng	<u>5.137.384.172</u>	<u>1.040.340.172</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.161.238.168	49.828.826.354	5.837.616.508	1.718.895.472	69.546.576.502
Tăng trong năm	-	111.606.235	-	1.921.495.378	2.033.101.613
Thanh lý, nhượng bán	-	(285.714.000)	(91.000.000)	-	(376.714.000)
Giảm khác (*)	-	(21.000.000)	(458.017.964)	(128.672.855)	(607.690.819)
Số cuối năm	<u>12.161.238.168</u>	<u>49.633.718.589</u>	<u>5.288.598.544</u>	<u>3.511.717.995</u>	<u>70.595.273.296</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>1.200.763.611</i>	<i>34.469.334.184</i>	<i>1.290.396.293</i>	<i>671.562.820</i>	<i>37.632.056.908</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.045.658.967	41.872.059.467	2.715.594.228	1.012.281.767	49.645.594.429
Khấu hao trong năm	459.338.230	3.151.076.524	715.408.860	505.932.809	4.831.756.423
Thanh lý, nhượng bán	-	(270.475.920)	(91.000.000)	-	(361.475.920)
Giảm khác (*)	-	(2.333.336)	(167.294.468)	(51.361.106)	(220.988.910)
Số cuối năm	<u>4.504.997.197</u>	<u>44.750.326.735</u>	<u>3.172.708.620</u>	<u>1.466.853.470</u>	<u>53.894.886.022</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.115.579.201	7.956.766.887	3.122.022.280	706.613.705	19.900.982.073
Số cuối năm	<u>7.656.240.971</u>	<u>4.883.391.854</u>	<u>2.115.889.924</u>	<u>2.044.864.525</u>	<u>16.700.387.274</u>

(*) Giảm do thanh lý, nhượng bán Công ty con trong năm.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 37.632.056.908 VND và 15.508.217.169 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	8.545.544.404	1.553.003.792	6.992.544.404
Số tăng trong năm	-	185.772.708	-
Số cuối năm	<u>8.545.544.404</u>	<u>1.738.776.500</u>	<u>6.806.767.904</u>

Giá trị quyền sử dụng đất được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.233.687.128	737.116.776	1.496.570.352
Số tăng trong năm	-	89.347.488	-
Số cuối năm	<u>2.233.687.128</u>	<u>826.464.264</u>	<u>1.407.222.864</u>

Giá trị bất động sản đầu tư được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Chợ Lớn.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Số tiền</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Trường Phong	29%	29%	1.838.570.331
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tiến Phong	30%	30%	4.735.255.878
Cộng			<u>6.573.826.209</u>

14. Đầu tư dài hạn khác
Đầu tư cổ phiếu.**15. Chi phí trả trước dài hạn**

Số đầu năm	405.671.411
Phát sinh tăng trong năm	439.637.409
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(309.646.094)
Giảm khác (*)	(58.650.147)
Số cuối năm	<u>477.012.579</u>

(*) Giảm do thanh lý, nhượng bán Công ty con trong năm.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(a)	34.851.698.016	35.710.658.590
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Chợ Lớn	9.360.897.396	7.251.156.228
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn.	23.328.039.982	25.078.232.728
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	-	1.290.169.884
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	2.091.099.750
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	2.162.760.638	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(b)	1.965.000.000	3.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	663.408.000	-
Cộng	<u>37.480.106.016</u>	<u>38.810.658.590</u>

18-C
TỶ
ĐU
HÀ
V VÀ
N
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Khoản vay các Ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.
- (b) Vay ngắn hạn cá nhân theo lãi suất 0,81%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.710.658.590	198.560.119.517	-	(194.896.578.091)	(4.522.502.000)	34.851.698.016
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	3.100.000.000	950.000.000	-	(2.085.000.000)	-	1.965.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	663.408.000	-	-	663.408.000
Cộng	38.810.658.590	199.510.119.517	663.408.000	(196.981.578.091)	(4.522.502.000)	37.480.106.016

(*) Giảm do thanh lý, nhượng bán Công ty con trong năm.

17. Phải trả cho người bán

Phải trả cho nhà cung cấp hàng hoá và dịch vụ.

18. Người mua trả tiền trước

Người mua trả trước tiền hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	368.067.191	3.920.479.181	(4.086.325.383)	-	202.220.989
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.458.118.240	9.185.534.300	(9.541.026.648)	(96.847.004)	1.005.778.888
Thuế xuất, nhập khẩu	1.121.416.811	6.256.578.543	(6.497.760.232)	(63.357.854)	816.877.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.391.412.044	2.886.615.906	(3.222.076.534)	(5.465.749)	1.050.485.667
Thuế thu nhập cá nhân	433.164.775	129.146.458	(549.858.625)	-	12.452.608
Các loại thuế khác	-	37.558.614	(36.129.093)	-	1.429.521
Cộng	4.772.179.061	22.415.913.002	(23.933.176.515)	(165.670.607)	3.089.244.941

(*) Giảm do thanh lý, nhượng bán Công ty con trong năm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.18.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 chưa đến kỳ thanh toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Chi phí phải trả	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay phải trả	234.330.856	196.830.557
Các khoản phải trả khác	237.820.883	17.281.559
Cộng	<u>472.151.739</u>	<u>214.112.116</u>
22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	344.051.487	320.354.451
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	284.872.968	287.188.696
Cổ tức phải trả	289.565.679	407.567.679
Nhận tiền đặt cọc theo hợp đồng	12.906.089.981	-
Các khoản phải trả khác	849.123.014	53.825.898
Cộng	<u>14.673.703.129</u>	<u>1.068.936.724</u>
23. Phải trả dài hạn khác		
Nhận tiền ký quỹ thuê nhà.		
24. Vay và nợ dài hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Chợ Lớn	-	1.000.000.000
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	369.591.837
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Lý Thường Kiệt ^(a)	994.032.500	544.218.500
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á - Chi nhánh Đinh Tiên Hoàng	-	583.400.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - sở giao dịch TP. Hồ Chí Minh	-	95.311.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	241.856.224
Cộng	<u>994.032.500</u>	<u>2.834.377.561</u>
 (a) Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Lý Thường Kiệt để tài trợ mua xe ô tô. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải.		
Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	663.408.000	
Trên 1 năm đến 5 năm	994.032.500	
Trên 5 năm	-	
Tổng nợ	<u>1.657.440.500</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

Số đầu năm	2.834.377.561
Số tiền vay phát sinh trong năm	772.719.311
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.746.380.326)
Số kết chuyển	(663.408.000)
Giảm khác (*)	(203.276.046)
Số cuối năm	994.032.500

(*) Giảm do thanh lý, nhượng bán Công ty con trong năm.

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	218.000.000
Số trích lập trong năm	266.537.887
Số chi trong năm	(196.342.767)
Số cuối năm	288.195.120

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng bảo hành liên quan đến việc bán sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	233.023.248
Số trích lập trong năm	433.485.752
Số hoàn nhập trong năm	(48.387.220)
Số cuối năm	618.121.780

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu			Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Cộng			Thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	40.000.000.000	1.008.861.000	(2.214.878.030)	9.004.676.901	3.117.581.126	7.013.259.844	57.929.500.841
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	7.082.161.752	7.082.161.752
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(1.144.764.000)	(1.144.764.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.034.813.563	344.937.854	(1.724.689.272)	(344.937.855)
Điều chỉnh	-	-	-	(28.650.879)	(9.550.293)	20.433.431	(17.767.741)
Số cuối năm	40.000.000.000	1.008.861.000	(2.214.878.030)	10.010.839.585	3.452.968.687	11.246.401.755	63.504.192.997

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	1.262.766.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	1.262.766.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	184.120	184.120
- Cổ phiếu phổ thông	184.120	184.120
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.815.880	3.815.880
- Cổ phiếu phổ thông	3.815.880	3.815.880
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tăng trong năm</u>	<u>Số giảm trong năm</u>	<u>Giảm khác (*)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	460.296.552	172.468.927	(439.141.229)	(14.325.433)	179.298.817
Quỹ phúc lợi	704.141.825	172.468.928	(75.496.488)	-	801.114.265
Cộng	1.164.438.377	344.937.855	(514.637.717)	(14.325.433)	980.413.082

(*) Giảm do thanh lý, nhượng bán Công ty con trong năm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	349.264.489.880	410.377.420.640
- Doanh thu bán hàng hóa	242.275.020.761	284.754.719.514
- Doanh thu bán thành phẩm	106.612.125.374	125.344.666.526
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.000.000	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	367.343.745	278.034.600
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.200.720.496)	(574.299.582)
- Hàng bán bị trả lại	(349.977.050)	(519.465.473)
- Giảm giá hàng bán	(850.743.446)	(54.834.109)
Doanh thu thuần	348.063.769.384	409.803.121.058
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	241.074.300.265	284.180.419.932
- Doanh thu bán thành phẩm	106.612.125.374	125.344.666.526
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.000.000	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	367.343.745	278.034.600

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	220.021.361.591	261.185.118.980
Giá vốn của thành phẩm	89.004.014.081	96.685.859.219
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	89.347.488	89.347.488
Cộng	<u>309.114.723.160</u>	<u>357.960.325.687</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	67.733.134	63.889.192
Cổ tức lợi nhuận được chia	252.172.867	694.350.794
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	202.463.415	1.000.624.163
Cộng	<u>522.369.416</u>	<u>1.758.864.149</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.774.191.978	6.094.091.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.555.306.598	1.182.100.704
Lỗ chuyển nhượng vốn	88.398.002	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.808.778	148.022.294
Chi phí khác	149.100.000	-
Cộng	<u>5.592.805.356</u>	<u>7.424.214.408</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	5.231.711.622	4.360.979.859
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	1.199.323.023	1.345.931.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	671.159.309	532.284.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.035.450.471	1.733.960.549
Chi phí khác	2.241.225.418	6.980.636.997
Cộng	<u>10.378.869.843</u>	<u>14.953.793.229</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.253.856.831	4.542.060.581
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.041.567.922	927.197.840
Chi phí khấu hao TSCĐ	887.539.616	783.670.324
Chi phí dự phòng	767.997.346	2.683.299.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.012.931.911	2.501.088.321
Chi phí khác	4.582.432.030	2.372.967.671
Cộng	<u>13.546.325.656</u>	<u>13.810.284.509</u>

474

IG T
EM H
TOÁI
VÀ

10

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	245.454.545	559.483.118
Các khoản khác	84.910.678	774.039.995
Cộng	330.365.223	1.333.523.113

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	15.238.080	120.958.385
Các khoản khác	290.215.821	142.875.332
Cộng	305.453.901	263.833.717

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	7.073.573.578	15.395.701.434
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của cổ đông Công ty mẹ	7.073.573.578	15.395.701.434
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	3.815.880	3.835.324
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.854	4.014

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.815.880	3.875.880
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 4 năm 2008	-	(31.388)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 5 năm 2008	-	(9.168)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.815.880	3.835.324

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Vay tiền	958.540.000	-
Bán các khoản đầu tư	170.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành viên quản lý chủ chốt		
Phải thu tiền bán các khoản đầu tư	170.000.000	-
Tạm ứng	1.037.266.270	195.250.000
Cộng nợ phải thu	1.207.266.270	195.250.000
Thành viên quản lý chủ chốt		
Phải trả tiền vay	797.470.000	-
Cộng nợ phải trả	797.470.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.255.437.479	776.755.700
Tiền thưởng	157.814.552	83.417.969
Cộng	1.413.252.031	860.173.669

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Trường Phong	Công ty liên kết
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tiến Phong	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Phong	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần sản xuất thương mại Tiến Phong		
Bán hàng	11.223.635	31.792.727
Công ty TNHH Đại Phong		
Bán hàng	763.322.438	58.495.455
Bán tài sản cố định	-	216.236.364
Mua hàng	685.869.184	580.617.758

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Trường Phong		
Tạm ứng	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Đại Phong		
Phải thu tiền bán hàng	1.022.025.605	290.259.004
Cộng nợ phải thu	6.022.025.605	290.259.004
Công ty TNHH Đại Phong		
Phải trả tiền mua hàng	538.327.641	-
Cộng nợ phải trả	538.327.641	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ PHONG

Địa chỉ: Lô số 4, Đường B, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.


Các sai sót

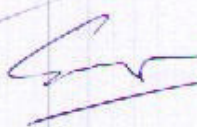
Năm trước, khoản phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước của cùng đối tượng nhưng chưa được căn trừ và khoản chiết khấu thương mại nhận được không hạch toán giảm giá vốn hàng bán mà hạch toán vào thu nhập khác khi lập Báo cáo tài chính cuối năm.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải thu khách hàng	131	40.779.804.267	36.675.358.580
Người mua trả tiền trước	313	7.313.808.383	3.209.362.696
Kết quả kinh doanh hợp nhất			
Giá vốn hàng bán	11	360.503.070.037	357.960.325.687
Thu nhập khác	31	3.876.267.463	1.333.523.113

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2010


Nguyễn Cao Hải
Người lập biểu


Trần Cao Sơn
Kế toán trưởng


Lương Trọng Tuấn
Giám đốc

